

**CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ DỊCH VỤ THẾ ANH**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ DỊCH VỤ THẾ ANH

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: THE ANH SERVICE AND CONSTRUCTION INVESTMENT COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0108781983

**3. Ngày thành lập:** 12/06/2019

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 108 Nguyễn Khiết, Phường Phúc Tân, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0961 475 695

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | Mã ngành    |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng<br>Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện)<br>Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày<br>Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi) | 4659        |
| 2.  | Xây dựng nhà để ở                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4101        |
| 3.  | Xây dựng nhà không để ở                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4102(Chính) |
| 4.  | Xây dựng công trình đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4212        |
| 5.  | Xây dựng công trình điện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4221        |
| 6.  | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4222        |
| 7.  | Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4223        |
| 8.  | Xây dựng công trình công ích khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4229        |
| 9.  | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4329        |
| 10. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4330        |
| 11. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4321        |
| 12. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4322        |
| 13. | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4312        |
| 14. | Phá dỡ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4311        |
| 15. | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4390        |

|     |                                                                                                                                                  |      |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 16. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện<br>Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự | 4649 |
| 17. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                          | 4663 |
| 18. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                             | 4752 |
| 19. | Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp<br>Bán lẻ trong siêu thị (Supermarket)<br>Bán lẻ trong cửa hàng tiện lợi (Minimarket)         | 4719 |
| 20. | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Đại lý bán hàng hóa                                                                                        | 4610 |
| 21. | Vệ sinh chung nhà cửa                                                                                                                            | 8121 |
| 22. | Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt                                                                                                | 8129 |
| 23. | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại                                                                                                        | 8230 |
| 24. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>- Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh.                     | 8299 |

**6. Vốn điều lệ:** 2.000.000.000 VNĐ

### **7. Thông tin về chủ sở hữu:**

Họ và tên: LÊ HUYỀN NGÂN

Giới tính: Nữ

Sinh ngày: 30/09/1991

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 012796899

Ngày cấp: 21/05/2005

Nơi cấp: Công an thành phố Hà Nội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 108 Nguyễn Khiết, Phường Phúc Tân, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số 108 Nguyễn Khiết, Phường Phúc Tân, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

### **8. Người đại diện theo pháp luật:**

\* Họ và tên: LÊ HUYỀN NGÂN

Giới tính: Nữ

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: 30/09/1991

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 012796899

Ngày cấp: 21/05/2005

Nơi cấp: Công an thành phố Hà Nội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Số 108 Nguyễn Khiết, Phường Phúc Tân, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Số 108 Nguyễn Khiết, Phường Phúc Tân, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội